



## **Sinh kế Sinh thái Bền vững và Chủ quyền Lương thực**

[www.livelihoodsovereignty.org](http://www.livelihoodsovereignty.org); 10/8/2021

LISO với Cộng đồng người Bản địa: Tầm nhìn và Hành động

Phản biện Trù bị Hội nghị Thượng đỉnh LHQ về Hệ thống lương thực 2021

### **Diễn tiến nào trong hệ thống lương thực và nông nghiệp của Việt Nam đang đe dọa đa dạng sinh học, môi trường và chủ quyền của nông dân và các cộng đồng bản địa?**

Cùng với quá trình toàn cầu hóa kinh tế thị trường trong cuộc tìm kiếm và chạy đua không ngừng nghỉ nhằm đạt được mức tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng, sự cân bằng giữa con người và thiên nhiên đang bị phá hủy một cách nhanh chóng. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy ở Việt Nam, rõ rệt nhất là trong việc mở rộng nông nghiệp công nghiệp tại những vùng trước đây đã giữ được hệ sinh thái nguyên tác bởi những cộng đồng nông thôn theo phương thức canh tác truyền thống (phi công nghiệp). Khi những công nghệ nông nghiệp mới đang lấn át trên những lãnh thổ này, các cộng đồng làm nông nghiệp truyền thống nơi đây đang phải gánh chịu những hình thức chiếm đoạt đất đai mới và sự phá hủy về văn hóa và sinh kế. LISO cho rằng các hệ thống nông nghiệp truyền thống này cần phải được bảo vệ, giữ gìn và củng cố để trở nên mạnh mẽ hơn, không chỉ cần thiết cho những cộng đồng bản địa đang sống dựa vào các hệ thống nông nghiệp này mà còn cho những ai mong muốn học được những bài học quan trọng, sự minh triết và tri thức bản địa mà họ đang nắm giữ để quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. Đây không chỉ là vấn đề về công bằng xã hội trước thực trạng đa dạng sinh học và văn hóa bị phá hủy nghiêm trọng bởi tiến trình công nghiệp hóa, đây là vấn đề sống còn của muôn loài!

Các hệ thống nông nghiệp sinh thái truyền thống tồn tại hàng trăm năm không chỉ nuôi sống những cộng đồng sống ở vùng núi cao và còn cả những người dân sống ở vùng thấp nhờ nguồn dinh dưỡng quý giá từ hệ sinh thái vùng cao bền bỉ chảy theo những dòng nước trong mát xuống những ruộng lúa dưới thung lũng đang bị đe dọa bởi làn sóng nông nghiệp công nghiệp. Đây là kiểu nông nghiệp chạy theo lợi nhuận bằng cách khai thác cưỡng bức các sản phẩm nông nghiệp từ đất bằng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, đang hủy diệt các quá trình nông

ngiệp sinh thái vốn đem lại sự sống cho muôn loài, được gìn giữ và nuôi dưỡng qua nhiều thế kỷ dưới hình thức nông nghiệp truyền thống. Để lấy chỗ cho các doanh nghiệp công nghiệp trồng độc canh cây công nghiệp, các nhà máy chế biến và xây dựng công trình thủy điện, những vùng rừng tự nhiên và vùng đất dốc rộng lớn trước đây được sử dụng để nuôi sống những cộng đồng địa phương, nay đang bị biến thành nơi sản xuất thức ăn gia súc, nhiên liệu sinh học, hay hệ thống thâm canh nông nghiệp để chế biến thịt, sữa đã được khoa học chứng minh là hình thức hủy hoại môi trường và lãng phí nhất trong tất cả các hình thức sản xuất lương thực, thực phẩm.

## **Nghiên cứu điểm: Sự đe dọa tính bền vững về sinh thái và xã hội ở huyện Kon Plông**

Kon Plông là một huyện thuộc tỉnh Kon Tum, Tây Nguyên, có mật độ che phủ rừng trên 80% với nhiều đặc điểm tự nhiên độc đáo (núi, sông, suối, thác nước), với 80% dân số là cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS) bản địa mang những tập quán truyền thống và bản sắc văn hóa riêng của từng dân tộc. Kon Plông được đánh giá là huyện có tiềm năng lớn để phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa bằng các dự án liên doanh công nghệ cao với các tập đoàn nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc). Điều này đang tạo ra áp lực ngày càng tăng cho các cộng đồng bản địa đã và đang thực hành các hình thức nông nghiệp truyền thống bền vững về sinh thái. Điển hình là quá trình chuyển đổi sử dụng đất trong canh tác đất dốc truyền thống thành các đất trồng sản công nghiệp để sản xuất nhiên liệu sinh học. Những diện tích đất vốn trước đây là rừng tự nhiên được bảo vệ nghiêm ngặt và rẫy được canh tác theo lối truyền thống đang bị nhanh chóng chuyển đổi thành các diện tích trồng sản công nghiệp, khiến cho hệ thống canh tác rẫy sinh thái gắn liền với tập quán thực hành nghi lễ, hời lễ để tăng cường đoàn kết cộng đồng và văn hóa đối công lao động bị suy giảm trầm trọng.

Hậu quả của sự lấn chiếm của nông nghiệp công nghiệp trên phần lãnh thổ của cộng đồng bản địa ở Kon Plông là tình trạng mất đa dạng sinh học, cũng như mất đi các giống gạo, giống sản bản địa phong phú. Từ đó, tri thức bản địa của bà con cũng mai một dần. Văn hóa đoàn kết xã hội đã trở thành truyền thống của cộng đồng bản địa bị xuống cấp nhanh chóng do người nông dân bị cuốn vào vòng xoáy của chi phí, nợ nần gia tăng trong cuộc cạnh tranh lẫn nhau về đất và thời gian để trồng và thu hoạch sản công nghiệp. Các thương lai địa phương trong vai trò là trung gian không chính thức giữa nông dân và các nhà máy chế biến sản đã khéo léo đưa những người nông dân bản địa vào cái bẫy sản xuất sản bằng chiêu bài sẵn sàng ứng trước tiền mặt, nguyên liệu và các phương tiện vận chất cho bà con. Chính những thay đổi này đã khiến các cộng đồng bản địa luôn sống trong tình trạng lo lắng, mệt mỏi, kiệt sức trong vòng luẩn quẩn của nợ nần và sự phụ thuộc do không tìm được phương cách kiếm thu nhập nào để thay thế.

### **Hành động của LISO**

Từ năm 1994, LISO (thông qua các tổ chức tiền thân) đã tập trung xây dựng: “**VỐN XÃ HỘI**” bằng kết nối mạng lưới Nông dân Nòng cốt thực hành canh tác nông nghiệp vùng đất dốc theo phương thức luân khoảnh truyền thống nhằm giàu hóa tri thức bản địa và tập đoàn giống bản địa (TEW<sup>1</sup> - 1994); “**VỐN SINH THÁI**” bằng phục hồi sự đa dạng của rừng mưa nhiệt đới vùng đầu nguồn và đất dốc, dành lại quyền của tự nhiên (CHESH<sup>2</sup> -1999); “**VỐN CHÍNH**

<sup>1</sup> Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năng lực Phụ nữ Dân tộc

<sup>2</sup> Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái Nhân văn Vùng cao

**TRỊ CHO CÁC CỘNG ĐỒNG LÀNG TRUYỀN THÔNG/ĐỊA PHƯƠNG**” bằng minh triết, phong tục và tri thức bản địa từ quá trình nghiên cứu các tầng cảnh quan sinh thái cộng đồng, ghi chép, quay phim những câu chuyện được kể lại từ người dân của rất nhiều các cộng đồng dân tộc khác nhau, tại nhiều địa phương thuộc các nước vùng Mekong (CIRD<sup>3</sup> -2000). Tới năm 2006, ba nguồn vốn tích lũy được từ các tổ chức TEW, CHESH, CIRD đã cùng quy tụ để hình thành nên một LISO đã và đang gắn kết với các cộng đồng DTTS bản địa vùng Mekong – Đông Nam Á. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của LISO là đảm bảo cho các cộng đồng này được kiểm soát đất đai, được làm chủ tương lai, hạnh phúc và sự thanh thản của họ bằng minh triết và tri thức của chính họ, đã được LISO khái quát hóa thành Năm quyền sinh kế cơ bản, tương tác, không tách rời của “Chủ quyền Sinh kế”, bao gồm: quyền đối với đất, rừng và nước; quyền được duy trì niềm tin, tín ngưỡng của chính mình; quyền được sống theo nền văn hóa của chính mình; quyền được thực hành các kiến thức của chính mình và quyết định những gì để trồng, bắt đầu, sáng tạo và phát minh ra trên đất của chính mình; quyền đồng quản lý hoặc đồng quản trị tài nguyên thiên nhiên với cộng đồng xung quanh và chính quyền địa phương. Nhận thấy quyền đất là điều kiện tiên quyết để thực hiện các thước quyền khác của chủ quyền sinh kế, LISO đã dành phần lớn các hoạt động của mình để dành lại quyền sở hữu đất cho các cộng đồng DTTS bản địa. Tuy nhiên, từ khi Luật Đất đai 2013– bộ luật nhằm tư nhân hóa đất đai, có lợi cho các tập đoàn kinh tế lớn được thông qua, quyền tiếp cận và kiểm soát đất đai của cộng đồng cũng như tính nguyên tác của hệ sinh thái và đa dạng sinh học của đất bị đe dọa. Trong khi sự nguyên tác của hệ sinh thái trước đây được cộng đồng duy trì nhờ tập quán canh tác sinh thái truyền thống thì việc chiếm đoạt đất của cộng đồng để độc canh cây công nghiệp đang đem đến những hậu quả sinh thái mang tính hủy diệt: làm suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước, làm xói mòn và dần mất hẳn đa dạng sinh học. Để bảo vệ đất của cộng đồng khỏi sự lấn chiếm của làn sóng nông nghiệp công nghiệp, LISO đã kiên trì vận động, thuyết phục chính quyền Trung ương và địa phương về lợi ích đối với bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường khi đất đai được cộng đồng bản địa quản lý. Để đạt được điều này, LISO đã khuyến khích chính quyền *xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững* dựa trên tri thức truyền thống, kiến thức canh tác và cấu trúc xã hội của các cộng đồng bản địa. Dựa trên những hiểu biết có được về đặc điểm cảnh quan núi rừng vùng cao Đông Nam Á, LISO đã phát triển “Chiến lược Phát triển 3R” độc đáo nhằm phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững được *thiết kế đặc thù* cho các vùng cao thuộc khu vực Mekong.

---

<sup>3</sup> Trung tâm nghiên cứu Kiến thức Bản địa và Phát triển

### **“3R” trong hệ thống nông nghiệp truyền thống vùng Mekong**

“3R” là từ viết tắt của Rừng – Rẫy – Ruộng. “3R” bao hàm sự tương tác, nương tựa trong hệ sinh thái của ba vùng cảnh quan được sử dụng trong phương thức canh tác truyền thống vùng cao. Đỉnh của cảnh quan hệ sinh thái là những đỉnh núi được bao phủ bằng những cánh Rừng – nguồn cung cấp dinh dưỡng (nước, chất dinh dưỡng, khoáng chất, v.v.) cho các vùng phía dưới. Những sườn núi thoải thoải – đất dốc là vùng canh tác theo phương thức luân khoảnh (Rẫy). Cảnh quan ở đây là một bức tranh nhiều màu sắc với những cánh rừng tái sinh ở các giai đoạn khác nhau trong chu kỳ canh tác luân khoảnh và những mảnh nương trồng nhiều loài cây phong phú theo mùa để giữ gìn và giàu hóa đa dạng sinh thái thiên nhiên và nông nghiệp cũng như tri thức canh tác bản địa của nhiều thế hệ. Dưới thung lũng là những Ruộng lúa, nơi hứng trọn nước và dòng dinh dưỡng chảy từ đỉnh và sườn núi xuống. Mỗi vùng cảnh quan này đều cung cấp nguồn thức ăn và khoáng chất phong phú, đa dạng, đem lại sinh kế sinh thái thịnh vượng và bền vững cho các buôn làng. Theo vũ trụ quan của các cộng đồng bản địa sống ở vùng cao, toàn bộ hệ sinh thái và canh tác Rừng – Rẫy - Ruộng chính là tặng phẩm của thiên nhiên trao tặng cho muôn loài đang cùng nương tựa và sống hài hòa trong hệ sinh thái.

Hệ thống nông nghiệp truyền thống “3R” là hệ thống quản lý và quản trị cảnh quan sinh thái dựa vào tri thức của người bản địa, được duy trì bền vững hàng trăm năm nay và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Điều quan trọng để duy trì hệ thống sinh thái này chính là hệ thống tổ chức xã hội dựa vào dòng tộc. Theo đó, giữa các hộ gia đình trong làng đã ra đời văn hóa tự nguyện chia sẻ nguồn lực và đổi công lao động. Hơn nữa, tinh thần đoàn kết cộng đồng làng còn được duy trì bởi một cam kết chung là bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái đã và đang mang lại sinh kế chung cho cả làng - một cam kết được củng cố bền vững qua nhiều thế hệ bằng chu kỳ tổ chức nghi lễ và hội lễ hàng năm như một sự khẳng định tâm linh mối quan hệ tương tác giữa hạnh phúc của con người với hạnh phúc của thiên nhiên.

### **Nền tảng nào là quan trọng để có được một hệ thống lương thực bền vững về sinh thái và công bằng về xã hội?**

Cơ sở để đạt được hệ thống lương thực bền vững về sinh thái và công bằng về xã hội ở Tây Nguyên là bảo tồn những hình thức canh tác nông nghiệp truyền thống mà các cộng đồng DTTS bản địa đã tiên phong thực hành. Những nền tảng quan trọng để bảo tồn các hệ thống này là:

**Phát triển lý thuyết mới về sinh thái.** “Chiến lược phát triển 3R của LISO” đã được phát triển độc lập với các chiến lược phát triển ở những nước khác trên thế giới, từ những quan sát trực tiếp của LISO về các hệ thống canh tác vùng cao. Tuy nhiên, chiến lược này được hỗ trợ bởi những phát triển về lý thuyết gần đây trong khoa học sinh thái, đặc biệt là các cuộc tranh luận về bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến giá trị tương đối của mô hình "chia sẻ đất đai" và "tiết kiệm đất đai". "Tiết kiệm đất đai" là ý tưởng cho rằng việc bảo tồn đa dạng sinh học có thể

### **Nghiên cứu điểm: Chiến lược phát triển 3R ở huyện Kon Plông**

*Tại Kon Plông, LISO đang tìm cách giải quyết các mối đe dọa về xã hội và sinh thái đối với đất đai và cộng đồng bản địa do hệ thống nông nghiệp công nghiệp gây ra thông qua thúc đẩy phục hồi các tập quán sử dụng đất sinh thái truyền thống, trên cơ sở đó xây dựng các cơ hội kiếm thu nhập thay thế bằng đề xuất “Chiến lược 3R” – một lựa chọn khả thi về kinh tế mà vẫn giữ được sức khỏe của hệ sinh thái để thay thế những ảnh hưởng phá hủy về xã hội và môi trường của công cuộc công nghiệp hóa nền nông nghiệp. Chiến lược phát triển 3R là chiến lược dựa vào tri thức địa phương và luật tục để phát triển sinh thái bền vững. Chiến lược này nhận diện được mối quan hệ tương tác và nương tựa giữa ba vùng cảnh quan Rừng - Rẫy - Ruộng được sử dụng trong hệ thống canh tác vùng cao nhằm bảo tồn và nâng cao thông qua phát triển nông nghiệp sinh thái. Nơi nào trồng sắn công nghiệp, nơi đó sự tương tác và nương tựa tự nhiên của các vùng cảnh quan này bị đứt gãy. Sắn công nghiệp gắn liền với sử dụng hóa chất được trồng độc canh trên vùng đất dốc đang thay thế các loài cây trồng bản địa vốn thích nghi với môi trường, gây ô nhiễm dòng chảy tự nhiên của nước và các chất dinh dưỡng từ rừng xuống các thung lũng ruộng lúa (do sử dụng phân hóa học và thuốc trừ sâu). Đất nhanh bị suy thoái do trồng độc canh và ô nhiễm hóa chất trên rẫy dẫn đến mất rừng do người nông dân phải tìm cách thoát khỏi tình trạng nợ nần bằng cách tìm ra các vùng đất mới để trồng sắn công nghiệp. LISO (CHESH-SPERI-CODE-CENDI) mong muốn có thể phá bỏ được vòng luẩn quẩn của sự khai thác của con người đối với thiên nhiên bằng cách phục hồi lại mối quan hệ tương tác và nương tựa của “3R” như là nền tảng của sản xuất lương thực bền vững và sự thanh thản, hạnh phúc của các thôn làng.*

đạt được tốt nhất bằng cách tách biệt rõ ràng các khu vực sản xuất nông nghiệp thâm canh cao với các khu bảo tồn thiên nhiên biệt lập. Quan điểm này hiện đã gặp phải thách thức do xu thế ủng hộ mô hình "chia sẻ đất đai", (Kremen và Merenlender 2018, Perfecto và Vandermeer 2009).

“Chia sẻ đất đai” là tạo ra những vùng cảnh quan được quản lý nhằm hình thành nên những hành lang giữa những vùng tự nhiên và ma trận (nông nghiệp) xen kẽ nhau để nối với những vùng hỗ trợ động vật hoang dã, dọc theo các dòng sông và hàng rào cây, xuyên qua các vùng canh tác nông – lâm nghiệp kết

hợp. Đất (nông nghiệp) được quản lý mà không sử dụng các đầu vào tổng hợp cho phép duy trì nhiều dịch vụ hệ sinh thái như thụ phấn, kiểm soát sâu bệnh tự nhiên, quản lý rừng đầu nguồn, từ đó duy trì được sản xuất cây trồng. (Kremen và Merenlender 2018).

Cảnh quan thường được coi là những mảng môi trường sống tự nhiên được bao quanh bởi một "biên" nông nghiệp. Nhưng lý thuyết sinh thái gần đây cho thấy bản chất của những mảng này gần như không quan trọng đối với bảo tồn như bản chất của ma trận nông nghiệp bao quanh chúng. Sự mất đi cục bộ của các mảng bảo tồn là không thể tránh khỏi và phải được thay thế bằng sự di chuyển nếu muốn tránh được sự mất đi vĩnh viễn trên diện rộng. Tỷ lệ di chuyển cao chỉ xảy ra ở các ma trận chất lượng cao được tạo ra bằng các kỹ thuật nông nghiệp sinh thái, trái ngược với mô hình nông nghiệp độc canh công nghiệp. (Perfecto và Vandermeer 2009)

Quan điểm hiện nay là thay vì tập trung tạo ra những vùng bảo tồn thiên nhiên biệt lập, đa dạng sinh học có thể được hỗ trợ bền vững hơn bằng cách tạo ra những cảnh quan nông nghiệp và văn hóa với những mảng địa hình sử dụng đất đa dạng chất lượng cao. Những cảnh quan như vậy có thể thỏa mãn nhu cầu của con người đồng thời hỗ trợ đa dạng sinh học ở mức độ cao. Thực hành sử dụng đất truyền thống tạo ra những cảnh quan không đồng nhất, bao gồm các loài cây trồng khác nhau, tàn tích của rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh đa dạng ở các giai đoạn tái sinh khác nhau. Những vùng đất canh tác này không chỉ cung cấp thức ăn cho con người mà còn cung cấp thức ăn, nơi sinh sản và trú ngụ cho vô số loài khác. Trong khi đó, những tàn tích của môi trường sống tự nhiên của chúng đóng vai trò là bàn đạp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của các loài trong cảnh quan giữa các khu bảo tồn khác nhau. Toàn bộ cảnh quan cho phép duy trì các dịch vụ hệ sinh thái như thụ phấn, kiểm soát sâu hại và chu kỳ dinh dưỡng, tất cả đều làm nền tảng cho sản xuất cây trồng. Quản lý ma trận nông nghiệp để duy trì đa dạng sinh học không chỉ nhằm bảo tồn các loài mà còn vì sản xuất lương thực bền vững. Nó tìm cách cải thiện đồng thời sản xuất lương thực, đa dạng sinh học hoặc bảo tồn hệ sinh thái và sinh kế nông thôn.

### **Đảm bảo quyền đất nông nghiệp cho cộng đồng DTTS bản địa**

Trong nỗ lực nhằm đảm bảo quyền sinh kế của cộng đồng bản địa, LISO đã không ngừng làm việc để đảm bảo quyền đất của họ. Trong lĩnh vực hoạt động này, LISO đã đạt được những thành công đáng kể. Cùng với các tổ chức thành viên khác trong Liên minh Chủ quyền Sinh kế (Liên minh LISO), từ 1995 - 2017, LISO đã đảm bảo quyền đối với 44.274ha đất rừng cho 8268 hộ gia đình DTTS và 18.389 ha đất rừng cho 77 cộng đồng DTTS bản địa.

### **Luật pháp công nhận quản lý tài nguyên dựa vào luật tục**

Trước đây, hình thức sở hữu đất duy nhất được công nhận ở Việt Nam là sở hữu của hộ gia đình và tổ chức, không phải sở hữu cộng đồng. Để giải quyết nguy cơ mất đất từ các diện tích đất do hộ gia đình làm chủ, LISO đã đạt được thành tựu, theo đó thực hành quản lý tài nguyên dựa vào luật tục đã được pháp luật công nhận để quản trị các diện tích đất rừng được giao.

## **Pháp luật công nhận “rừng tín ngưỡng” được bảo tồn như “rừng đặc dụng”**

Dành lại quyền kiểm soát của cộng đồng đối với các diện tích rừng được giao là một hành trình lâu dài, gian nan và chỉ phần nào thành công bởi những rào cản về luật pháp. Một dấu mốc quan trọng trong lịch sử 24 năm hình thành và phát triển của Liên minh LISO là năm 2017 Luật Lâm nghiệp mới đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua, trong đó Điều 86 chính thức công nhận quyền làm chủ của cộng đồng đối với rừng tín ngưỡng. Điều 86 cùng với 16 điều, điểm khác trong Luật Lâm Nghiệp 16/2017/QH14 đã đưa ra sáu khái niệm mới rất quan trọng. Đây là kết quả của quá trình vận động chính sách kiên trì, liên tục của các tổ chức trong Liên minh LISO để dành được sự công nhận của luật pháp đối với quyền của các DTTS bản địa là được làm chủ đất cộng đồng và quản trị tài nguyên thiên nhiên dựa vào luật tục của cộng đồng như một nền tảng quan trọng để đảm bảo hạnh phúc và thanh thản cho cộng đồng về xã hội, kinh tế, văn hóa và tâm linh.

*Sáu khái niệm mới quan trọng đã được đưa vào Luật Lâm nghiệp 16/2017/QH14 là: “không gian sinh tồn” – là cảnh quan thiên nhiên nơi 16 triệu đồng bào DTTS bản địa có thể thực hành văn hóa và sinh kế của chính họ; “rừng tín ngưỡng của cộng đồng dân cư” – là vùng rừng nơi có các vị thần thiên nhiên trú ngụ để bảo vệ cộng đồng DTTS bản địa, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của đồng bào, được phân loại là “rừng đặc dụng” để được bảo vệ bình đẳng; “luật tục” – là luật để quản trị cộng đồng và tài nguyên thiên (rừng tín ngưỡng, rừng bảo vệ nguồn nước, rừng sử dụng) của cộng đồng DTTS bản địa để phục vụ sinh kế hàng ngày nay đã được công nhận; “tập đoàn cây bản địa” – là những loài cây bản địa sống trong rừng phải được phục hồi trên bất kỳ loại đất rừng nào; “sở hữu cộng đồng” đối với rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng sản xuất; “rừng biên giới” có chức năng bảo vệ đầu nguồn cần phải được bảo vệ nghiêm ngặt, không được phép chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc mua bán.*

Tầm quan trọng chiến lược của thành công này là Luật Lâm nghiệp 2017 từ nay là đòn bẩy cho Liên minh LISO thực hiện các hoạt động thúc đẩy cộng đồng DTTS trong lĩnh vực quyền đất đã được pháp luật hoàn toàn ủng hộ. Điều này giúp tăng cường sức mạnh cho các tổ chức thuộc Liên minh LISO cũng như nông dân các DTTS được cởi mở và công khai thực hành các thước quyền của họ về văn hóa, tín ngưỡng và sinh kế. Điều này đã tạo ra một sự thay đổi lớn, một bước ngoặt quan trọng trong hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy sinh kế và sự thanh thản của đồng bào DTTS. Giờ đây, người DTTS bản địa có thể duy trì hệ thống giá trị và logic quản trị dựa



trên tinh thần tự nguyện, đoàn kết và sở hữu cộng đồng, không bán đất bán rừng. Đây chính là biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả cho những cộng đồng và môi trường thiên nhiên dễ bị tổn thương. Điều này cũng giúp khôi phục lại niềm tin giữa cộng đồng DTTS bản địa và chính quyền, đem đến giải pháp địa phương để giải quyết các sai lầm và hạn chế do các chương trình “giảm nghèo” trước đây gây ra.

## **Những tác nhân quan trọng trong thiết lập hệ thống lương thực sinh thái bền vững và công bằng xã hội ở Việt Nam?**

Phản biện mà tài liệu nghiên cứu này đưa ra là: cơ sở để xây dựng hệ thống lương thực sinh thái bền vững và công bằng xã hội ở các vùng núi cao Việt Nam chính là bảo tồn những hình thức nông nghiệp truyền thống mà các tộc người thiểu số bản địa ở Việt Nam đã đi tiên phong. Bởi vậy, những chủ thể quan trọng nhất để thiết lập các hệ thống đó ở vùng cao chính là các cộng đồng thiểu số bản địa đang sinh sống ở đó. Ngoài ra, các thương lái tự do không được kiểm soát, các công ty chế biến nông sản, cán bộ làm công tác khuyến nông của chính phủ, chính quyền địa phương, các nhà hoạch định chính sách của trung ương và các tổ chức xã hội dân sự cũng là những chủ thể quan trọng. Trong số này, một số chủ thể đóng vai trò tiêu cực, một số khác đóng vai trò tích cực. Tuy nhiên, một số chủ thể hiện đang đóng vai trò tiêu cực nhưng lại có tiềm năng để thay đổi thành các chủ thể tích cực. Vai trò tương ứng của các chủ thể này, dù là tích cực hay tiêu cực, đều có thể được minh họa rõ nét nhất thông qua nghiên cứu điểm tại huyện Kon Plông, nơi có 21.529 người thuộc các dân tộc thiểu số bản địa H’rê, M’Nâm, Xê Đăng, Ca Đông đang sinh sống.

### **Xác định vấn đề**

Sinh kế của cộng đồng người dân tộc H’rê tại xã Pờ Ê, huyện Kon Plông phụ thuộc vào hoạt động quản lý bền vững rừng tự nhiên. Tuy nhiên, Chính phủ đang thực hiện những chính sách trái ngược nhau trong lĩnh vực quản lý rừng: một bên là các chính sách bảo tồn rừng nguyên sinh và đa dạng sinh học, ủng hộ việc quản lý rừng bền vững của cộng đồng các dân tộc bản địa, còn bên kia là các chính sách mở rộng nông nghiệp công nghiệp tại các vùng rừng trên núi cao, tàn phá rừng nguyên sinh và đa dạng sinh học. Tiếc thay, đối với tương lai của bảo tồn rừng nguyên sinh và quản lý rừng cộng đồng của đồng bào bản địa, nhóm chính sách thứ hai đáng chiếm ưu thế. Chính sách mở cửa đất và rừng cho các tập đoàn nước ngoài vào đầu tư nhằm mục đích tối đa hóa “tăng trưởng kinh tế của đất nước – GDP”, nghĩa là những diện tích lớn rừng tự nhiên sẽ phải nhường chỗ cho nông nghiệp công nghiệp. Dưới đây là những phân tích mang tính hệ thống về vai trò của các chủ thể khác nhau liên quan đến tình trạng phá rừng và đất ở huyện Kon Plông.

## **Công ty chế biến hàng hóa nông nghiệp**

Chính sách công nghiệp hóa nông nghiệp của Chính phủ khuyến khích sản xuất sản công nghiệp trở thành cây trồng để xuất khẩu, dẫn đến sự ra đời của Công ty sản Quảng Ngãi với mục đích tìm kiếm các nhà cung cấp<sup>4</sup> sản công nghiệp từ chính những nông dân sống ở những vùng lân cận. Ở đây, công ty sản nhận được sự hậu thuẫn của các “thương lái tự do” không đăng ký, cùng với các Trung tâm Khuyến nông của nhà nước và tư nhân.

### **Vai trò của thương lái tự do**

Ở Pờ Ê, các thương lái nhỏ phối hợp với công ty sản địa phương khuyến khích người dân các thôn làng tiêu thụ hàng hóa công nghiệp kém chất lượng, đổi lại họ phải cung cấp sản công nghiệp và các lâm sản tự nhiên cho thương lái. Nhu cầu tiêu thụ hàng hóa công nghiệp rẻ tiền, kém chất lượng do thương lái tạo ra đã gây ra hiện tượng đói tiền mặt trong bà con, nghĩa là để có tiền mặt để mua sắm, bà con phải cam kết sử dụng phương thức canh tác phá hủy như phá rừng để trồng sản công nghiệp, sử dụng thuốc diệt cỏ và phân bón hóa chất. Tất cả những hành động này đang đầu độc môi trường, làm sỏi mòn đất, dẫn đến mất đa dạng sinh học trầm trọng.

### **Vai trò của Trung tâm Khuyến nông**

Trung tâm Khuyến nông là đơn vị trực thuộc nhà nước nhưng hoạt động dưới hình thức ký hợp đồng với các công ty nông nghiệp tư nhân. Người nông dân có nghĩa vụ phải tuân thủ những quy định do Chính phủ đề ra, nhưng trên thực tế, Trung tâm Khuyến nông lại là cánh tay phải của công ty và đóng vai trò then chốt trong việc yêu cầu nông dân bản địa phải trồng các giống cây lại lệ sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Với ưu thế thực tế của các lợi ích công nghiệp bằng con đường khai thác so với chính sách của chính phủ trong bảo tồn rừng nguyên sinh, đa dạng sinh học và quản lý rừng bền vững đang ngày càng trở nên dễ bị tổn thương

### **Vai trò của các nhà hoạch định chính sách Trung ương**

Chính sách phát triển nông nghiệp mới từ trên xuống của Trung ương bao gồm 19 tiêu chí<sup>5</sup> về “phát triển nông thôn”. Tuy nhiên, không có tiêu chí nào trong số này đề cập tới bản sắc địa phương hay sinh kế dựa vào văn hóa và tri thức bản địa đã và đang là nền tảng của nhiều cộng đồng bản địa trên địa bàn huyện Kon Plông - điều khiến họ cảm thấy tự hào khi tham gia và góp phần vào phát triển nông thôn ở Kon Plông. Đây tiếp tục là mối quan ngại. Tăng thu nhập và tìm cách kiếm được nhiều tiền hơn đang là động lực của các chính sách và kế hoạch này, nhưng bằng cái giá phải trả là tiếp tục chặt cây, phá rừng để tạo không gian chào đón các nhà

---

<sup>4</sup> Cần 72 tấn sản mỗi ngày để chế biến. Chỉ riêng ở làng Vi Ô Lắc, nghiên cứu đã phát hiện ra 100 ha đất rừng đang được người bản địa canh tác theo phương thức canh tác luân khoảnh truyền thống với nhiều giống bản địa phong phú, đã đang gắn với tri thức địa phương đã bị thay thế bằng sản công nghiệp suốt 5 năm qua.

<sup>5</sup> 19 tiêu chí do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra vô tình đã ảnh hưởng tới cấu trúc xã hội dựa vào dòng tộc truyền thống của cộng đồng bản địa ở Kon Plông, làm tổn thương luật tục và giá trị cốt lõi của xã hội Pờ Ê.

đầu tư kinh tế.

### **Vai trò của chính quyền địa phương**

Yếu tố chính khiến các lợi ích thương mại có ưu thế hơn so với lợi ích bảo vệ môi trường và văn hóa của Chính phủ chính là sự thiếu hiểu biết của một bộ phận chính quyền địa phương về những tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế thị trường không bị hạn chế đối với bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa. Chính quyền địa phương thiếu nhận thức, kinh nghiệm, năng lực để giải quyết các tác động tiêu cực của kinh tế thị trường đối với môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa của người bản địa. Điều này cho thấy sự cần thiết phải nâng cao nhận thức và năng lực của chính quyền địa phương để họ có thể lãnh đạo tỉnh, huyện, xã đi đến một tương lai bền vững hơn

### **Tổ chức xã hội dân sự**

LISO mong muốn giá trị phong cách sống của các dân tộc bản địa thể hiện thế giới quan coi đất là linh thiêng cần phải được hiểu đúng. Theo phong cách sống này, họ nhìn nhận đất đai hoàn toàn khác với phần đông xã hội hiện nay cho rằng đất đai là loại tài sản cá nhân hay chỉ đơn giản là nguồn lực để tạo ra thu nhập bằng tiền mặt. Trải qua nhiều thế hệ, các tộc người bản địa đã thừa kế đất đai của tổ tiên để lại để khởi xướng ra các thiết chế xã hội, văn hóa, kinh tế của chính họ, để quản trị đất và sinh kế có được từ đất, coi đây là tặng phẩm của các vị thần thiên nhiên dành cho họ. Là một phần trong cấu trúc quản trị, họ đã thể chế hóa các nghi lễ và hội lễ của từng tháng theo lịch nông nghiệp như sự thể hiện lòng biết ơn tới các vị thần linh đã cho họ được canh tác trên rẫy và ruộng để tạo ra sinh kế. Những nghi lễ và hội lễ này đòi hỏi cả cộng đồng phải cùng nhau đoàn kết thực hiện. Chính sự hợp tác này đã mang đến cho họ niềm hạnh phúc và thanh thản về xã hội, kinh tế và tinh thần, được biểu hiện hàng ngày bằng chính thái độ tự nguyện giúp đỡ lẫn nhau.

Mục đích của các tổ chức xã hội dân sự là tạo cơ hội cho chính quyền địa phương nhận diện được giá trị của niềm tin và tập quán tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa để bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông nghiệp bền vững. Bằng việc quan sát trực tiếp xã hội của người H'rê, chính quyền địa phương có thể tự nhìn thấy hiệu quả của việc để cộng đồng địa phương quản lý đất gắn với những đặc điểm cảnh quan đặc thù. Hình thức quan sát và trải nghiệm trực tiếp này giúp nâng cao năng lực của chính quyền hiệu quả hơn, giúp khai mở tư duy và nhận thức của họ về giá trị của hệ thống niềm tin và tập quán của người bản địa trong bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học hơn so với việc họ tham gia hội thảo hay đọc các tài liệu khoa học.

Theo đó, ba vấn đề sau cần phải được giải quyết:

1. Cần phải giúp chính quyền địa phương hiểu rằng tri thức, minh triết và luật tục của người thiểu số bản địa là vô cùng quan trọng đối với bảo tồn đa dạng sinh học thông qua các dự án thí điểm để chứng minh phương thức canh tác của cộng đồng bản địa đã đóng góp như thế nào cho sự bền vững của môi trường và nền nông nghiệp bằng chính tập quán canh tác sinh thái và cách quản trị tài nguyên thiên nhiên của họ.
2. Chính quyền địa phương cần phải được tiếp cận với những cơ hội học tập và hiểu biết về những hậu quả tiêu cực của nền kinh tế thị trường không được kiểm soát đối với sự sống còn của tập quán canh tác truyền thống và hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững của cộng đồng bản địa.
3. Phải giúp chính quyền địa phương nhận thức được thiệt hại của tất cả các bên do nền kinh tế thị trường không được kiểm soát gây ra đối với bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa, và cơ hội các bên cùng có lợi mà kinh tế cộng đồng địa phương có thể đem lại.

### **Cộng đồng bản địa sống ở vùng cao mong đợi gì từ kết quả của Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hiệp quốc về Hệ thống Lương thực?**

Chúng tôi kỳ vọng Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hiệp quốc về Hệ thống Lương thực sẽ nhận diện và công nhận hoàn toàn những thông điệp cốt lõi của Ban Chuyên gia Quốc tế về Hệ thống Lương thực Bền vững như sau:

1. Hệ thống lương thực và nông nghiệp hiện nay đang tạo ra những kết quả tiêu cực trên nhiều mặt: suy thoái đất, nước và hệ sinh thái trên diện rộng; phát thải khí nhà kính cao; mất đa dạng sinh học; tình trạng đói và thiếu vi chất dinh dưỡng dai dẳng; căng thẳng về sinh kế đối với nông dân trên toàn thế giới;
2. Những vấn đề này liên quan đến nông nghiệp công nghiệp gắn với độc canh cây trồng và sự phụ thuộc vào phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.
3. Điều cần phải làm là xây dựng một mô hình nông nghiệp hoàn toàn khác dựa trên đa dạng trang trại và cảnh quan, thay thế đầu vào hóa chất, tối ưu hóa đa dạng sinh học và kích thích sự tương tác giữa các loài khác nhau như một phần của chiến lược tổng thể nhằm xây dựng những hệ thống nông nghiệp sinh thái khỏe mạnh, có khả năng sinh lợi lâu dài và đảm bảo sinh kế, nghĩa là những “hệ thống nông nghiệp sinh thái đa dạng”.

Ngoài ra, chúng tôi mong muốn:

1. Hoàn toàn ủng hộ quá trình chuyển đổi từ nông nghiệp công nghiệp sang nông nghiệp sinh thái trên phạm vi toàn cầu.

2. Tuyệt đối cam kết bảo tồn những hệ thống canh tác đang tồn tại có hệ sinh thái nguyên vẹn được duy trì bởi các cộng đồng nông thôn đang thực hành các hình thức nông nghiệp truyền thống (phi công nghiệp).
3. Áp dụng các lệnh cấm đi kèm với các biện pháp trừng phạt đối với sự xâm phạm của nông nghiệp công nghiệp gây phá hủy môi trường và xã hội tại các khu vực được bảo tồn nguyên vẹn hệ sinh thái bởi các cộng đồng dân cư nông nghiệp thông qua thực hành các hình thức nông nghiệp truyền thống (phi công nghiệp)
4. Hỗ trợ tài chính và chính trị để khôi phục phương thức canh tác sinh thái trên lãnh thổ của các cộng đồng bản địa đang bị thay thế và phá hủy bởi sự xâm lấn của nông nghiệp công nghiệp./.